

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 209/2019/HSPT  
Ngày 18 tháng 11 năm 2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Dương Thị Hồng Minh.**

*Các Thẩm phán:* Ông **Trần Minh Long**

Ông **Nguyễn Tấn Anh**

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Na** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

***-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:***  
Ông **Nguyễn Vĩnh Tá** - Kiểm sát viên.

Ngày 18/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 162 /2019/TLPT-HS ngày 05/11 /2019 đối với bị cáo **Bùi Văn Thanh P** do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 99/2019/HS-ST ngày 03/10/2019 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

***Bị cáo có kháng cáo:*** **Bùi Văn Thành P** - sinh ngày 25 tháng 9 năm 1999 tại tỉnh Quảng Nam. Nơi thường trú: thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Nam. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông. Con ông **Bùi Văn H** (s) và bà **Trịnh Thị T** (s). Gia đình có 02 người con, bị cáo là con thứ 2.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giam 10 tháng 5 năm 2019, có mặt tại phiên tòa.

+ **Người bào chữa** cho bị cáo **Bùi Văn Thành P**: Luật sư **Nguyễn Thị Kiều D**, thuộc văn phòng luật sư P thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh – là người bào chữa theo yêu cầu của bị cáo. Có mặt.

Các bị cáo không kháng cáo: **Lê Đức Đ, Vũ Đình A**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 15 phút ngày 07 tháng 01 năm 2019 tại góc bùng binh đường T - 30/4, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về

ma túy Công an quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng phối hợp với Công an phường Hòa Cường Bắc kiểm tra hành chính, phát hiện, bắt quả tang Lê Đức Đ và Vũ Đình A đang tàng trữ trái phép chất ma túy. Tang vật thu giữ của:

**1. Lê Đức Đ:**

+ 01 gói thuốc lá có dòng chữ White Horse, chứa 01 gói ni lông, bên trong có 10 (mười) viên nén màu xanh (niêm phong, **ký hiệu B**);

+ 05 vỏ bao ni lông màu trắng chưa qua sử dụng;

+ 01 điện thoại di động có dòng chữ Iphone màu xám, số imei 352052075301486 kèm theo sim mang số thuê bao: 0935.231.871;

+ 01 điện thoại di động có dòng chữ Nokia màu đen, số imei 1: 355803092160850, imei 2: 355803097160588, kèm theo sim mang số thuê bao 0326.818.812.

**2. Vũ Đình A:**

+ 01 gói ni lông bên trong có chứa 16 (mười sáu) viên nén màu xanh (Niêm phong, **ký hiệu A1**) và 04 gói ni lông bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng (Niêm phong, **ký hiệu A2**);

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu xám BKS 92E1-430.11, số khung RLCUE3240JY145405, số máy E3X93403204;

+ 08 vỏ bao ni lông chưa qua sử dụng.

+ 01 điện thoại di động có dòng chữ OPPO màu đen, số imei 1: 867609038333332, số imei 2: 867609038333324 gắn sim mang số thuê bao 0899.916.269;

+ Số tiền 500.000 (năm trăm nghìn) đồng.

Vào 20 giờ 50 phút cùng ngày, tại ngã ba đường L –D, thành phố Đà Nẵng, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an quận Hải Châu nghi ngờ Bùi Văn Thành P sử dụng ma túy nên mời về làm việc, qua thử test xác định P dương tính với ma túy. Đi cùng P có chị Huỳnh Thị Mỹ H

Tạm giữ của Bùi Văn Thành P: 01 điện thoại di động màu đỏ-đen có dòng chữ OPPO số imei 1: 865460030469272, imei 2: 865460030469860, gắn sim mang số thuê bao 0382.647.431, số tiền 800.000 (tám trăm nghìn) đồng.

Vào lúc 10 giờ ngày 08/01/2019, Cơ quan CSĐT Công an quận Hải Châu đã khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Đức Đ tại phòng trọ số 02, nhà số K536/H09/28 đường Điện Biên Phủ, thành phố Đà Nẵng và nơi ở của Vũ Đình A tại K110/03 đường T, thành phố Đà Nẵng nhưng không thu giữ gì.

Theo kết luận giám định số 04/GĐ-MT ngày 11/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng:

- Quá trình giám định phân 16 viên nén ký hiệu A1 thành:

+ 14 viên nén màu xanh, hình giọt nước: ký hiệu A1a;

+ 01 viên nén màu xanh, hình tròn, một mặt có in chữ “LV”: ký hiệu A1b;

+ 01 viên nén màu xanh, hình tam giác, một mặt in chữ “EA7” ký hiệu A1c.

- Viên nén ký hiệu A1b, A1c và B gửi giám định là **ma túy loại MDMA, khối lượng mẫu A1b: 0,345 gam, mẫu A1c: 0, 391 gam; mẫu B: 3,844 gam.**

- Viên nén ký hiệu A1a và tinh thể rắn màu trắng ký hiệu A2 gửi giám định đều là **ma túy, loại Ketamine; khối lượng mẫu A1a: 5,530 gam; A2: 2,016 gam.**

Hoàn trả đối tượng giám định gồm mẫu A1a: 3,164 gam; mẫu A2: 1,327 gam; mẫu B: 1,228 gam và toàn bộ vỏ bao gói. Mẫu A1b, A1c đã sử dụng hết trong quá trình giám định.

**Như vậy tổng khối lượng ma túy thu giữ trong vụ án là: Khối lượng ma túy loại MDMA: 4,580 gam; khối lượng ma túy loại Ketamine: 7,546 gam.**

Quá trình điều tra, từ lời khai của Lê Đức Đ, Vũ Đình A, Bùi Văn Thành P và các chứng cứ khác xác định: Vào tháng 12/2018, Đ bán giúp ma túy cho S (*tên gọi khác: X, Tg; không rõ họ tên, địa chỉ*). Sau đó, Đ rủ A và P cùng tham gia. Sau khi bán được ma túy, Đ đưa tiền về cho S, S trả công cho Đ từ 1.000.000đ đến 2.000.000đ, Đ cho A và P mỗi người 200.000 đồng/ 01 lần tham gia. Đ đã bán ma túy 09 lần cho những người nghiện (*không rõ họ tên, địa chỉ*) theo yêu cầu của S. Trong đó, A đi cùng Đ 04 lần, P đi cùng Đ 04 lần và 01 lần Đ đi bán cùng với S.

Khoảng 15 giờ ngày 07/01/2019 theo yêu cầu của S, Vũ Đình A đến khu vực ngã tư đường T –T, thành phố Đà Nẵng gặp 01 người thanh niên (*không rõ họ tên, địa chỉ*) nhận một gói thuốc lá hiệu White Horse bên trong có ma túy đem về giao cho Đ.

Đến khoảng 18 giờ ngày 07/01/2019, một nam thanh niên (*không rõ họ tên, địa chỉ*) sử dụng số điện thoại 0934.984.507 gọi đến số 0326.818.812 của Lê Đức Đ hỏi mua 02 viên thuốc lắc, với giá 800.000 đồng, hẹn giao dịch ở cây xăng đường L- P, thành phố Đà Nẵng. Đ gọi P đến phòng trọ của Đ, Đ lấy ra 02 viên ma túy từ gói thuốc lá hiệu White Horse do A đưa, bỏ vào 01 gói ni lông giao cho P và đưa số điện thoại của người thanh niên trên cho P để liên lạc, giao ma túy. Theo yêu cầu của Đ, P đến cây xăng đường L –P, thành phố Đà Nẵng sử dụng điện thoại liên lạc và bán 02 viên ma túy cho người thanh niên trên với giá 800.000 đồng. Sau khi bán ma túy, P điều khiển xe về phòng trọ của mình tại K574 đường V, thành phố Đà Nẵng. Đến khoảng 20 giờ 50 phút cùng ngày, P cùng bạn là Huỳnh Thị Mỹ H đi ăn, khi đến đoạn ngã ba đường D - L, thành phố Đà Nẵng thì bị lực lượng Công an kiểm tra và mời về trụ sở làm việc như nêu trên.

Đồng thời, vào lúc 19 giờ 00 phút ngày 07/01/2019, người thanh niên sử dụng số điện thoại 0934.984.507 trên tiếp tục gọi điện thoại cho Đ để hỏi mua 10 viên thuốc lắc và Ketamine, hẹn giao dịch tại bùng binh đường 30/4- T, thành phố Đà Nẵng. A điều khiển xe mô tô hiệu Sirius BKS 92E1-430.11 chở Đ đến điểm hẹn. Trên đường đi, Đ lấy gói thuốc lá hiệu White Horse có chứa ma túy mà A đã đưa trước đó, phân ra 10 viên thuốc lắc bỏ vào gói thuốc lá hiệu White Horse. Số ma túy còn lại (16 viên thuốc lắc và 04 gói Ketamine), Đ bỏ vào túi áo khoác của

A. Khi đến bùng binh đường 30/4 – T thành phố Đà Nẵng, Đ và A bị phát hiện và bắt quả tang như đã nêu trên.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Lê Đức Đ và Vũ Đình A đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Trong quá trình điều tra bị cáo Bùi Văn Thành P đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thay đổi lời khai và cho rằng mình không thực hiện hành vi phạm tội.

Tại Bản án sơ thẩm số 99/2019/HS-ST ngày 03/10/2019 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; khoản 2 Điều 51 BLHS;

Xử phạt: Bùi Văn Thành P 07 năm 06 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/5/2019..

Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần hình phạt đối với Lê Đức Đ, Vũ Đình A, về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 10/10 /2019, bị cáo Bùi Văn Thành P có đơn kháng cáo với nội dung: Án sơ thẩm xử nặng, xin được xem xét theo trình tự phúc thẩm, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện Kiểm sát có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Về thủ tục: Đơn kháng cáo của bị cáo Bùi Văn Thành P có đầy đủ nội dung theo thủ tục kháng cáo và trong thời hạn kháng cáo nên đảm bảo hợp lệ. Về nội dung: Xét nội dung đơn kháng cáo của bị cáo thì thấy rằng Bản án hình sự sơ thẩm số 99/2019/HS-ST ngày 03/10/2019 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 BLHS là có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã khai báo thành khẩn nên đề nghị HĐXX áp dụng thêm điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS nhưng mức án mà Tòa cấp sơ thẩm đã quyết định 7 năm 6 tháng là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ Luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của luật sư Nguyễn Thị Kiều D đề nghị HĐXX áp dụng thêm điểm r,s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo do bị cáo đã tự khai báo ra những lần phạm tội trước đó, khai báo thành khẩn, bị cáo đã từng phục vụ trong quân ngũ.

Bị cáo Bùi Văn Thành P vẫn giữ nguyên kháng cáo và đề nghị Hội đồng giảm nhẹ một phần hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Bùi Văn Thành P khai nhận: Mặc dù biết Lê Đức Đ đi bán ma túy nhưng bị cáo đã nhiều lần chở Đ đi đến các địa điểm trên

thành phố Đà Nẵng để bán. Sau những lần chở đi như vậy, P đều được Đ cho tiền, bản thân P cũng một lần tự đi giao ma túy cho các con nghiện.

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo khác, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, bản án hình sự sơ thẩm số 99/2019/HSST ngày 03/10/2019 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử bị cáo Bùi Văn Thành P về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo thì thấy: Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của nhà nước về ma túy, gây mất an ninh trật tự trên địa bàn. Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng là cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục riêng cho bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Bản án sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, đồng thời áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS do gia đình bị cáo có công với cách mạng, xử phạt bị cáo 07 năm 06 tháng tù. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình do đó HĐXX chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên và Luật sư, áp dụng thêm điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo. Ngoài ra, vị luật sư còn cho rằng bị cáo đã tự khai báo ra những lần phạm tội trước đó nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS và bị cáo có thời gian phục vụ trong quân ngũ nên áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. HĐXX xét thấy rằng bị cáo đã không tự giác khai nhận hành vi phạm tội trước khi bị phát hiện mà qua đấu tranh với những bị cáo khác trong vụ án thì bị cáo mới thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã khai sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đi nghĩa vụ quân sự vào tháng 2/2019. Nhưng qua hồ sơ thể hiện ngày 02/ 5/2019 thì bị cáo đã bị Sư đoàn 375 trả về địa phương do vi phạm đạo đức chính trị do đó HĐXX thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên là không chấp nhận ý kiến của Luật sư về việc áp dụng điểm r khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo. Mức án mà cấp sơ thẩm đã quyết định 7 năm 6 tháng là phù hợp nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt của bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Văn Thành P, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn Thành P **07(bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”**. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 10/5/2019.

3. Về án phí: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Bùi Văn Thành P phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Vụ giám đốc kiểm tra 1;
- VKSND quận Hải Châu;
- Công an quận Hải Châu;
- PV27; PC81 công an thành phố;
- TAND quận Hải Châu;
- THA DS quận Hải Châu;
- Sở tư pháp TPĐN;
- TB kết quả xét xử;
- Bị cáo;
- Lưu: HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Dương Thị Hồng Minh**